
Số: 33/2021/QĐST- HNGĐ

V, ngày 19 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 25/2021/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1982; trú tại: xóm 10, xã L, huyện V, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1973; trú tại: xóm 10, xã L, huyện V, tỉnh N.

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 và điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị H và anh Vũ Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Vũ Văn H xác định vợ chồng có ba con chung là các cháu Vũ Thị H, sinh ngày 12/11/2005, cháu Vũ Thị T P, sinh ngày 03/02/2012 và cháu Vũ Thị Ngọc L, sinh ngày 10/7/2016. Giao các cháu Vũ Thị H, Vũ Thị Thu P và Vũ Thị Ngọc L cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 5/2021 cho đến khi các cháu H, P và L đủ 18 tuổi. Anh Vũ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con

chung cùng với chị Trần Thị H. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2. Về tài sản và công nợ chung:

- Về tài sản chung:

Giao cho anh Vũ Văn H được toàn quyền sử dụng, quản lý và sở hữu nhà, đất (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Văn H và Trần Thị H*) tại tờ bản đồ số 08, thửa số 4071 tại xã L, huyện V, tỉnh N. Anh Vũ Văn H có trách nhiệm thanh toán tiền trên lịch chia tài sản chung cho chị Trần Thị H số tiền là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*). Hai bên đã thanh toán xong.

- Về công nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Vũ Văn H tự thoả thuận giải quyết với nhau, không đề nghị Toà án xem xét.

2.3. Về án phí: Chị Trần Thị H nộp 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn và 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 18.300.000 đồng (*Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000318, ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị H được trả lại số tiền 9.225.000 đồng (*Chín triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Vũ Văn H nộp 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh N (01 bản);
- VKSND huyện V (02 bản);
- Chi cục THADS huyện V (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- UBND xã L (01 bản);
- Lưu HS, VP (01 bản).

THẨM PHÁN

Hà Thiện Thành

